

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/DSST
Ngày: 19/5/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng N.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lưu L
- Bà Phạm Thị Thanh H

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1844/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2026/QĐ-HPT ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T;

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, phường Xuân H, Thành phố Hồ Chí M là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 977/2025/UQ-TT.XLN ngày 18/3/2025 (có yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Như H, sinh năm 1992; (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 14.5 Tháp R2, Cao ốc The E, số 968 đường A, phường Phú T, Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T do ông Trần Văn B là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 23/03/2022, bà Trương Như H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Visa, số thẻ 436438-0656, lãi suất áp dụng 2.48%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 225,143,484 đồng.

Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Bà H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 194.086.993 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 53,059,650 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên Bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trương Như H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/02/2026 là 101.193.807 đồng, trong đó: nợ gốc 53.059.650 đồng, lãi quá hạn 48.134.157 đồng. Ngoài ra, bà Trương Như H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/02/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng còn gửi văn bản và yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trương Như H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2026 là 107.976.048 đồng, trong đó: nợ gốc 53.059.650 đồng, lãi quá hạn 54.916.398 đồng. Mặt khác, bà Trương Như H còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Trương Như H vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T buộc bà Trương Như H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 107.976.048 đồng, trong đó: nợ gốc 53.059.650 đồng, lãi quá hạn 54.916.398 đồng.

Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng các bên đã ký kết với nhau.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T có ông Trần Văn B là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản triệu tập theo đúng quy định nhưng bị đơn bà Trương Như H vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của đương sự: Căn cứ vào văn bản ủy quyền thể hiện việc ủy quyền của đương sự tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Qua nghiên cứu nội dung vụ án xét thấy bà Trương Như H còn nợ lại số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Như H phải thanh toán theo hợp đồng trên. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trương Như H cung cấp thông tin trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/3/2022 bà ở tại địa chỉ 1B đường số C, Khu phố 7, phường Linh Đ, Thành phố Thủ Đ Thành phố Hồ Chí M. Theo kết quả xác minh của Công an phường Linh Đ, Thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M thể hiện đương sự Trương Như H, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 1B đường số C, Khu phố 11, phường Linh Đ, Thành phố Thủ Đ Thành phố Hồ Chí M hiện cư trú tại 968 đường A, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí M. Theo kết quả xác minh của Công an phường 15, Quận 11 (Nay là phường Phú T), Thành phố Hồ Chí M thể hiện đương sự Trương Như H, sinh năm 1992, có thực tế cư trú tại căn hộ số 14.5 Tháp R2, Cao ốc The E, số 968 đường A, phường Phú T, Thành phố Hồ Chí M.

Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn được ghi trong giao dịch nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên được ký kết giữa hai bên vào ngày 23/3/2022, do bà Trương Như H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 06/02/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu làm nợ gốc. Mặt khác, đến ngày 26/3/2025 Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/3/2022 có chữ ký của bà Trương Như H cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp tín dụng cho bà Trương Như H với hạn mức 50.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ, bà Trương Như H đã thực hiện nhiều lần giao dịch với số tiền 225.143.484 đồng và đã thanh toán được 194.086.993 đồng. Sau đó, bà H không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, mặc dù đã được Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 06/02/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24.4 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, là phù hợp với Điều 95 quy định về “Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất” của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T đã nhiều lần làm việc với bà Trương Như H về việc yêu cầu bà Nghi trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn không thực hiện thanh toán cho nguyên đơn, như vậy có thể xác định bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Trương Như H nhưng bà H vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa, nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà H đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn bà Trương Như H đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T buộc bị đơn bà Trương Như H phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 107.976.048 đồng, trong đó: nợ gốc 53.059.650 đồng, lãi quá hạn 54.916.398 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét bà Trương Như H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn, nên buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu bị đơn bà Trương Như H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2026 trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/3/2022 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”*.

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trương Như H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ khoản vay 107.976.048 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/3/2022, án phí bị đơn phải chịu là 5.398.802 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được toà án chấp nhận, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T: Buộc bà Trương Như H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền vay còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/3/2022, tính đến ngày 19/5/2026 là 107.976.048đồng (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc 53.059.650đồng (Năm mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn 54.916.398đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm mười sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên, bà Trương Như H còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/3/2022. Trường hợp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/3/2022 có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Như H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.398.802đồng (Năm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lẻ hai đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.963.561đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0072883 (Ký hiệu: BLTU/24P) ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2), Thành phố Hồ Chí M.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Hồng N**